

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Trung;

2. Bà Lê Thị Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà M Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Huỳnh M - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: ấp 5, xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: ấp 5, xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2023, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Huỳnh M trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Văn D cưới nhau năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQĐ ngày 30-01-2013. Chung sống đến tháng 10/2022 phát sinh mâu thuẫn gay gắt do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông D có quan hệ với phụ nữ khác và cờ bạc, bà đã bỏ qua nhiều lần nhưng ông D không thay đổi. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D;

Về nuôi con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 31-01-2014 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02-5-2022, hiện đang sống với bà, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, ông D tự nguyện yêu cầu được cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, bà đồng ý nhận.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có.

- Tại Bản tự khai ngày 26-5-2023, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lương Thị Huỳnh M về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân; Việc không có nợ chung và việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M. Ông yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ con, con còn nhỏ, ông hứa sẽ sửa đổi.

Về nuôi con chung: Nếu như phải ly hôn, ông yêu cầu:

+ Ông được trực tiếp nuôi con chung tên Bảo T, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung; Ông đồng ý để bà M trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng A, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Hoàng A mỗi tháng 4.000.000 đồng.

+ Trường hợp bà M được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi con chung 2.500.000 đồng), từ khi án có hiệu lực đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Vụ án được hòa giải đoàn tụ tại Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lương Thị Huỳnh M khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn D; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà M và ông D chung sống có đăng ký kết hôn ngày 30-01-2013 tại Ủy ban nhân dân xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà M và yêu cầu đoàn tụ của ông D: Bà M và ông D xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông D có quan hệ với phụ nữ khác và cờ bạc. Bà M và ông D đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, ly thân, được Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành và đến nay, bà M và ông D không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà M và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Ngược lại, ông D yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thể khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Đồng thời xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà M và ông D:

Xét 02 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 31-01-2014 (giới tính nữ, có nguyện vọng muốn sống chung với bà M) và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02-5-2022 (chưa được 03 tuổi), đang sống với bà M từ nhỏ đến nay, việc thay đổi người trực tiếp nuôi và môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc con chung và sự phát triển bình thường về tâm lý, sinh lý của con chung. Do đó yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà M là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Ông D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Bảo T, nhưng nguyện vọng con chung muốn sống với bà M, ông D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà M tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Bảo T sẽ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Xét tại phiên tòa ông D tự nguyện yêu cầu được cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi con chung 2.500.000 đồng), từ khi án có hiệu lực đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Bà M chấp nhận yêu cầu của ông D. Việc ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[4.3] Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[4.4] Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà M và ông D được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Bà M và ông D trình bày để tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được

quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia nợ chung: Bà M và ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà M đã nộp đủ án phí; Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lương Thị Huỳnh M được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Lương Thị Huỳnh M được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 31-01-2014 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02-5-2022, đang sống với bà M;

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 31-01-2014 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 02-5-2022, mỗi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà M và ông D được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con

chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Lương Thị Huỳnh M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004585 ngày 10-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà M đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29-6-2023);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQĐ (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương